|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND | *Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng về quản lý cây xanh đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số …../TTr-SXD ngày …… về việc ban hành Quyết định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định Quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

**Điều 1.** Ban hànhkèm theo Quyết định này Quy định Quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long căn cứ nội dung của Quy định này tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …. tháng… năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định: Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc Phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh Ban hành Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của UBND tỉnh Bến Tre Ban hành Quy định quản lý cây xanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Bến Tre Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định Quản lý cây xanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

3.Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Khoản3 Điều 3;- Bộ Xây dựng;- Cục KTVB và QLXLVPHC-Bộ Tư Pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- HĐND tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- TT thông tin điều hành (đăng công báo);- Sở Tư pháp;*-* Lưu: VT.  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH**  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH VĨNH LONG**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý cây xanh đô thị trên dịa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*(Ban hành kèm theo kèm theo Quyết định số ……./2025/QĐ-UBND ngày ….tháng …. năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, bao gồm quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; phân cấp trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) phải tuân theo Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong quy định này, các từ ngữ, khái niệm được hiểu như sau:

1. Phạm vi đô thị: Được xác định theo phạm vi, ranh giới quy hoạch chung đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, được phân loại và công nhận là đô thị.
2. Cây xanh đô thị là cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh sử dụng hạn chế và cây xanh chuyên dụng trong đô thị.
3. Cây xanh sử dụng công cộng đô thị là các loại cây xanh được trồng trên đường phố (gồm cây bóng mát, cây trang trí, dây leo, cây mọc tự nhiên, thảm cỏ trồng trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông, trong phạm vi lộ giới, hành lang bảo vệ, khoảng cách ly các công trình hạ tầng kỹ thuật); cây xanh trong công viên, vườn hoa; cây xanh và thảm cỏ tại quảng trường và các khu vực công cộng khác trong đô thị.
4. Cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị là cây xanh trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng.
5. Cây xanh chuyên dụng trong đô thị là các loại cây trong vườn ươm, hoặc phục vụ nghiên cứu.
6. Cây cổ thụ là cây thân gỗ lâu năm được trồng hoặc mọc tự nhiên, có độ tuổi tối thiểu 50 năm hoặc cây có đường kính từ 50cm trở lên tại chiều cao 1,3m của cây.
7. Cây được bảo tồn là cây cổ thụ, cây thuộc danh mục loài cây quý hiếm., cây được liệt kê trong sách đỏ thực vật Việt Nam, cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hóa.
8. Cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng là những cây có độc tố gây nguy hiểm cho con người.
9. Cây xanh thuộc danh mục cây hạn chế là những cây ăn quả, cây tạo ra mùi gây ảnh hưởng tới sức khỏe môi trường.
10. Cây nguy hiểm là cây đã đến tuổi già cỗi, cây hoặc một phần của cây dễ gãy đổ gây tai nạn cho người, làm hư hỏng các phương tiện và công trình, cây bị sâu bệnh có nguy cơ gây bệnh trên diện rộng.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý cây xanh đô thị**

1.  Việc đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị nhằm mục đích phục vụ lợi ích công cộng.

2. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, phát triển công viên, cây xanh sử dụng công cộng đô thị nhằm phục vụ lợi ích công cộng. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ, quản lý cây xanh đô thị góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn kỹ thuật đồng thời góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

4. Khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, chủ đầu tư phải đảm bảo quỹ đất cây xanh; cây xanh được trồng phải đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt. Đồng thời, chủ đầu tư dự án khu đô thị mới phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

5. Khi xây dựng đường đô thị mới phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình, hạ tầng kỹ thuật. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc tiến hành hạ ngầm các đường dây, cáp nổi tại các đô thị có liên quan đến việc bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển và trồng mới cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết để giám sát thực hiện.

**Điều 4. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị**

1. Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh trên địa bàn tỉnh.

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ cây xanh thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý khu kinh tế).
2. Ban Quản lý khu kinh tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trong khuôn viên các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý.

**Điều 5. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm trong phạm vi quản lý và gửi lấy ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng trước khi phê duyệt.
2. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm bao gồm: Trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ cây xanh đô thị; Xây mới, cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp các công trình xây dựng thuộc khu vực cây xanh sử dụng công cộng đô thị.
4. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị và kinh phí thực hiện theo kế hoạch phải được bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

**Chương II**

**QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ**

**Điều 6. Quy hoạch cây xanh đô thị**

1. Yêu cầu và nội dung quy hoạch cây xanh đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP. Khuyến khích quy hoạch và thực hiện trồng cây bản địa, trồng các dãy cây xanh đặc trưng cho từng tuyến đường.
2. Trên cơ sở quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khuyến khích các đô thị từ loại V trở lên lập quy hoạch chi tiết cây xanh đô thị để làm cơ sở quản lý và lập dự án đầu tư.

**Điều 7. Quy định chung về trồng, chăm sóc cây xanh đô thị**

1. Việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 13, Điều 15 của Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.
2. Khi xây dựng mới đường đô thị phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Cây xanh được trồng đúng chủng loại và tiêu chuẩn cây trồng đúng chủng loại và tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch, kế hoạch và thiết kế đã được phê duyệt.
3. Cây xanh được trồng dọc đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật.
4. Các phường, xã phải dành quỹ đất để phát triển vườn ươm đáp ứng nhu cầu phát triển cây xanh của địa phương, tuân thủ theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

**Điều 8. Đối với cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị**

1. Các loại cây bóng mát trong đô thị:

a) Cây tiểu mộc: Là những cây có chiều cao trưởng thành nhỏ hơn 10 m;

b) Cây trung mộc: Là những cây có chiều cao trưởng thành từ 10 m đến nhỏ hơn 15 m;

c) Cây đại mộc: Là những cây có chiều cao trưởng thành lớn hơn 15 m.

2. Cây xanh trồng trên đường phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 2m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 4 cm trở lên;

b) Đối với cây trung mộc và đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 5cm trở lên;

c) Tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.

d) Cây không thuộc danh mục cây cấm trồng.

đ) Trồng cây đúng chủng loại quy định, đúng quy trình, kỹ thuật trồng và chăm sóc. Cây mới trồng phải được chống giữ chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

e) Cây xanh trồng trên đường phố phải được lắp đặt bó vỉa bảo vệ gốc cây.

3. Đối với các tuyến đường lớn có chiều rộng hè phố trên 5 m trồng các cây trung mộc hoặc đại mộc theo quy định phân loại cây bóng mát trong đô thị.

4. Đối với các tuyến đường trung bình có chiều rộng hè phố từ 3m đến 5m trồng các cây tiểu mộc hoặc trung mộc theo quy định phân loại cây bóng mát trong đô thị.

5. Đối với các tuyến đường nhỏ có chiều rộng hè phố hẹp dưới 3 m, đường cải tạo, bị khống chế về mặt bằng và không gian thì cần tận dụng những cây hiện có hoặc trồng tại những vị trí thưa công trình, ít vướng đường dây trên không và không gây hư hại các công trình sẵn có, có thể trồng dây leo theo trụ hoặc đặt chậu cây.

6. Khoảng cách giữa các cây trồng được quy định như sau: Cây loại tiểu mộc từ 4 m đến 8 m; cây trung mộc từ 8 m đến 12 m; cây đại mộc từ 12 m đến 15 m; hoặc theo từng vị trí cụ thể của quy hoạch trên khu vực, đoạn đường. Trồng cây ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà phố, tránh trồng giữa cổng hoặc trước chính diện nhà dân đối với những nơi có chiều rộng hè phố dưới 5 m.

7. Khoảng cách tối thiểu tính từ mép lề đường đến tim hàng cây: Cây tiểu mộc là 0,6 m; cây trung mộc là 0,8 m; cây đại mộc là 1,0 m.

8. Cây xanh và các dải cây phải hình thành một hệ thống cây xanh, liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến đường. Trồng từ một đến hai loại cây xanh đối với các tuyến đường có chiều dài dưới 2 km. Trồng từ một đến ba loại cây đối với các tuyến đường có chiều dài từ 2 km trở lên hoặc theo từng cung, đoạn đường.

9. Đối với các dải phân cách có chiều rộng dưới 2 m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách có chiều rộng từ 2 m trở lên có thể trồng các loại cây thân thẳng có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, trồng cách điểm đầu giải phân cách, đoạn qua lại giữa hai giải phân cách khoảng 3 m - 5 m để đảm bảo an toàn giao thông.

10. Cây xanh được trồng cách các góc vạt hè phố từ 5 m - 8 m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

11. Cây xanh được trồng cách các họng cứu hỏa trên đường từ 2 m - 3 m; cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga từ 1 m - 2 m.

12. Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cáp ngầm) từ 1 m - 2 m.

13. Cây xanh trồng phải được đánh số thứ tự và lập hồ sơ quản lý cho từng cây.

14. Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

15. Ô đất trồng cây xanh đường phố:

a) Kích thước và loại hình ô đất trồng cây được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng một tuyến đường, từng cung hay đoạn đường.

b) Xung quanh ô đất trồng cây trên đường phố hoặc khu vực sở hữu công cộng (có vỉa hè) phải được xây bó vỉa nhằm giữ đất tránh làm bẩn hè phố hoặc các hình thức thiết kế khác để bảo vệ cây và tạo hình thức trang trí.

c) Tận dụng các ô đất trồng cây bố trí trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải cây xanh để tăng vẻ đẹp cảnh quan đô thị.

**Điều 9.** **Đối với cây xanh sử dụng hạn chế, cây được bảo tồn trong đô thị**

1. Việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định [64/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-64-2010-nd-cp-quan-ly-cay-xanh-do-thi-107156.aspx) .

2. Việc chăm sóc, bảo vệ cây được bảo tồn trong đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định [64/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-64-2010-nd-cp-quan-ly-cay-xanh-do-thi-107156.aspx) .

**Điều 10. Đối với cây nguy hiểm trong đô thị**

1. Cây nguy hiểm phải được xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình, trên cơ sở đó có biện pháp khắc phục hoặc lập kế hoạch chặt hạ, di dời cây. Đối với các cây xanh đã đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn, mục đích sử dụng phải lập kế hoạch từng bước chặt hạ thay thế dần. Cây thay thế, trồng mới phải nằm trong danh mục cây được trồng, có hình dáng, đường kính, chiều cao phù hợp với cảnh quan.

2. Giảm sự nguy hiểm và bảo tồn cây xanh đô thị:

a) Tránh trồng những cây rễ nổi dễ đổ và những cây ăn quả, cây có gai nhọn, có chất độc, cây có tán lớn nằm sát nhà dân và những cây giòn dễ gãy trên đường phố làm mất an toàn cho người, phương tiện và công trình;

b) Sử dụng đúng biện pháp cắt tỉa;

c) Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên phát hiện cây nguy hiểm để có biện pháp xử lý kịp thời. Hạn chế những rủi ro của cây nguy hiểm bằng cách loại bỏ cành chết, gãy.

**Điều 11. Bảo đảm an toàn cho cây xanh**

1. Định kỳ hàng năm cơ quan quản lý cây xanh theo phân cấp phải tổ chức điểu tra, lập, điều chỉnh danh mục cây xanh nguy hiểm; Thực hiện các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn cho cây xanh nhằm phòng ngừa, hạn chế thiệt hại do các nguyên nhân khách quan như hiện tượng thời tiết cực đoan, lũ lụt, động đất, sinh vật gây hại, cây bị bệnh,..
2. Các biện pháp kỹ thuật cơ bản nhằm bảo đảm an toàn cho cây xanh trong mùa mưa bão:

a) Làm quang vòm (đỉnh, ngọn, chóp) lá: Loại bỏ các cành lá khô và gãy, những cành to bị bệnh hoặc nguy hiểm;

b) Làm mỏng vòm lá: Loại bỏ bớt tán lá để giảm cản trở sự đi qua của gió trong mùa mưa bão;

c) Nâng cao vòm lá: Loại bỏ những tán lá thấp nhất tạo thông thoáng tầm nhìn trên đường, các nơi có biển báo, đèn tín hiệu giao thông;

d) Giảm bớt ngọn: Khống chế chiều cao, làm thấp đỉnh ngọn cây bằng cách cắt tỉa tự nhiên ít nhất là 1/3 độ lớn của các cành cây to bị loại bỏ;

đ) Cắt tỉa tạo dáng cân đối cho cây kết hợp thực hiện các giải pháp chằng, chống, neo giữ gốc cây nhằm làm giảm nguy cơ ngã đỗ cây xanh.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị; khi phát hiện cây xanh bị hư hại, không đảm bảo tăng trưởng, mất an toàn, nguy cơ gãy đổ và phát hiện hành vi phá hoại gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây xanh cần thông báo cho cơ quan chức năng (Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn xem xét, xử lý.

4. Chủ đầu tư dự án các công trình xây dựng có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cây xanh công cộng trong quá trình thi công xây dựng.

**Điều 12. Trồng, chăm sóc, bảo quản cây xanh trong khu đất của tổ chức (không thuộc cơ quan nhà nước), cá nhân**

1. Cây xanh trong khu đất của tổ chức và cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng, cây trồng hạn chế do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; không vi phạm những hành vi bị cấm được quy định tại Điều 7 Nghị định [64/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-64-2010-nd-cp-quan-ly-cay-xanh-do-thi-107156.aspx) .

b) Đảm bảo không ảnh hưởng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp theo quy định và đảm bảo an toàn cho cộng đồng, công trình lân cận.

2. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trong việc trồng, chăm sóc, bảo quản cây xanh trong phạm vi sở hữu và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đến cộng đồng theo quy định.

**Điều 13. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị**

1. Thống kê về số lượng, chất lượng, đánh số cây, lập hồ sơ cho từng tuyến đường, khu vực công cộng.
2. Đối với cây cổ thụ, cây được bảo tồn ngoài việc thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số cần phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý đảm bảo về cảnh quan, an toàn khi chăm sóc.
3. Xác định cây nguy hiểm để lập hồ sơ theo dõi tình trạng phát triển và có kế hoạch thay thế kịp thời.

**Chương III**

**CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ**

**Điều 14. Điều kiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; các trường hợp phải có giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; các trường hợp được miễn giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị**

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số [64/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-64-2010-nd-cp-quan-ly-cay-xanh-do-thi-107156.aspx) .

2. Đối với việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh có quy mô lớn (từ 10 cây trở lên trên một tuyến đường, khu vực) hoặc các cây cổ thụ, cây có giá trị lịch sử, văn hóa gắn bó với cộng đồng, trước khi quyết định cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng trực tiếp bằng hình thức phù hợp (họp tổ dân phố, phiếu lấy ý kiến,...) và tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến này.

**Điều 15. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trong quá trình xây dựng**

1. Đối với trường hợp công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng: Chủ đầu tư công trình chỉ được chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị sau khi đã được cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với trường hợp công trình xây dựng phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng: Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng công trình phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trước khi cấp Giấy phép xây dựng.

**Điều 16. Thẩm quyền cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trong phạm vi được giao quản lý.

2. Ban Quản lý các khu kinh tế thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo phân cấp tại Điều 4 quy định này.

3. Riêng đối với trường hợp cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thuộc danh mục cây cổ thụ, bảo tồn thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép phải xin ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch (Trường hợp cây xanh thuộc khu di tích lịch sử văn hóa, khu du lịch) và các đơn vị có liên quan khác, đồng thời có báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển.

**Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị**

1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị tại bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị hoặc trả lời bằng văn bản đối với trường hợp không cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển; kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị: 01 bản chính;

- Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển: 01 bản chính;

- Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển (cỡ ảnh tối thiểu 10cm x 15cm): 01 bản chính.

b) Số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ gửi cơ quan cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh: 01 (một) bộ.

3. Thời hạn giải quyết:

a) Thời gian giải quyết cho việc cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Riêng đối với trường hợp cây xanh thuộc danh mục cây bảo tồn, thời hạn giải quyết cho việc cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó thời gian có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh tối đa không quá 05 ngày làm việc).

4. Đối tượng thực hiện thủ tục: Tổ chức, cá nhân.

5. Cơ quan giải quyết thủ tục: Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Kết quả thực hiện thủ tục: Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh, đô thị hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

7. Phí: Thực hiện theo quy định.

8. Mẫu Đơn đề nghị, mẫu Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép và mẫu Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

9. Điều kiện được xem xét cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

Cây xanh đô thị được xem xét cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển gồm những trường hợp sau:

a) Cây đã chết, đã bị đổ gãy hoặc có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm;

b) Cây xanh bị bệnh hoặc đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn;

c) Cây xanh trong các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng;

d) Cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số [64/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-64-2010-nd-cp-quan-ly-cay-xanh-do-thi-107156.aspx) ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô th

 **Điều 18. Thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị**

1. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải tuân thủ theo Giấy phép được cấp và phải đảm bảo kỹ thuật an toàn về tính mạng, tài sản của cộng đồng; trường hợp cây xanh trong các dự án đầu tư xây dựng công trình không thuộc đối tượng cấp phép chặt hạ, dịch chuyển thì việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thực hiện theo dự án đầu tư xây dựng được duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cây xanh biết ít nhất 02 ngày làm việc trước khi tiến hành chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.

3. Các nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng đô thị thuộc sở hữu nhà nước, cây xanh nằm trong khuôn viên của cơ quan, đơn vị, trường học,... nhưng thuộc sở hữu nhà nước phải nộp ngân sách theo quy định.

**Điều 19. Xử lý một số trường hợp đặc biệt**

Trường hợp đặc biệt đối với cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển ngay do tình thế khẩn cấp, thiên tai hoặc cây có nguy cơ ngã đổ gây nguy hiểm và cây xanh đô thị đã bị ngã đổ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp ngay với các cơ quan có liên quan tổ chức lập biên bản hiện trường, chụp ảnh hiện trạng cây xanh, thực hiện ngay việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh; chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ**

 **Điều 20. Sở Xây dựng**

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan góp ý Kế hoạch hàng năm và 05 năm về đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập danh mục cây trồng, cây được bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức, đơn giá chuyên ngành công viên, cây xanh, chi phí đối với dịch vụ công ích về cây xanh chưa có trong hệ thống định mức do Bộ Xây dựng công bố.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo phân cấp phối hợp với cơ quan quản lý cây xanh kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời, đúng kỹ thuật các hành vi trồng, chặt hạ, cắt tỉa cây xanh vi phạm an toàn đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cây xanh.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh.

**Điều 21. Sở Tài chính**

1.  Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư nhằm khuyến khích xã hội hoá công tác đầu tư phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và 5 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị của địa phương.

3. Hướng dẫn về trình tự, thủ tục việc quản lý và sử dụng các nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng đô thị theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Quy định này.

4. Tổ chức thẩm định đơn giá chuyên ngành công viên, cây xanh, chi phí đối với dịch vụ công ích về cây xanh chưa có trong hệ thống định mức do Bộ Xây dựng công bố, để Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

**Điều 22. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh thuộc khu vực ngoài đô thị (nông thôn) trừ khu công nghiệp và cây được bảo tồn.
2. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc thực hiện khoản 3 Điều 21 Quy định này.
3. Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây xanh; phát triển, cung cấp, hỗ trợ nguồn giống, chủng loại cây xanh cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương nhằm bảo tồn các giống cây bản địa, đa dạng sinh học và phát triển bền vững hệ thống cây xanh trên địa bàn tỉnh.
4. Phối hợp với Sở Xây dựng xác định danh mục cây được bảo tồn; đóng góp ý kiến đối với các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây được bảo tồn trong đô thị.
5. Phát triển cơ sở hạ tầng vườn ươm phục vụ nhu cầu trồng cây xanh của tỉnh.
6. Tham gia ý kiến cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

**Điều 23. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp Sở Xây dựng và các đơn vị quản lý cây xanh trên địa bàn thực hiện công tác quản lý cây xanh trong khuôn viên Bảo tàng, khu di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt, quốc gia trên địa bàn tỉnh.

**Điều 24. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị quản lý cây xanh nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ về quản lý cây xanh.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình tuyên truyền phổ biến, giáo dục hướng dẫn người dân và cộng đồng dân cư tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh, và chấp hành, nghiêm chỉnh Quy định này và các quy định của pháp luật liên quan về quản lý cây xanh đô thị.

 **Điều 25. Ban quản lý Khu kinh tế**

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

2. Cấp giấy phép chặt hạ, di dời cây xanh trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

3. Định kỳ điều tra, lập, điều chỉnh danh mục cây nguy hiểm vào tháng 12 hàng năm; thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại Điều 11 của quy định này.

4. Tổ chức lập, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý hàng năm và 05 năm được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo đúng hồ sơ đã được phê duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm quy định về chặt hạ, di dời cây xanh, xử phạt theo thẩm quyền.

6. Khảo sát, lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với các cây cổ thụ, cây được bảo tồn, cây đặc trưng của tỉnh, vùng địa lý nằm trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

7. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý cây xanh trong khuôn viên các khu công nghiệp lập hồ sơ quản lý cây xanh theo quy định.

8. Báo cáo tình hình quản lý cây xanh trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý về Sở Xây dựng theo định kỳ.

**Điều 26. Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh trên địa bàn theo phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển cây xanh trên địa bàn hàng năm và giai đoạn 5 năm theo quy định tại Điều 5 của Quy định này. Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan phân bổ, bố trí vốn thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển cây xanh trên địa bàn hàng năm và giai đoạn 5 năm.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức khảo sát, thống kê danh mục, đánh số, treo biển tên, lập hồ sơ và chế độ chăm sóc đặc biệt đối với cây được bảo tồn, cây xanh sử dụng công cộng có chiều cao từ 10m trở lên đối cây xanh trong đô thị.

4. Định kỳ điều tra, lập, điều chỉnh danh mục cây nguy hiểm vào tháng 12 hàng năm; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho cây xanh theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

5. Thực hiện việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo khoản 1 Điều 17 của Quy định này.

6. Kiểm tra, giám sát tình hình bảo đảm chất lượng cây xanh, việc tuân thủ quy chuẩn về tỷ lệ phủ xanh trong các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

7. Quản lý địa bàn không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép quỹ đất các vị trí theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dành cho vườn ươm, công viên cây xanh.

8. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân được giao quản lý cây xanh trong công tác bảo vệ hệ thống cây xanh trên địa bàn quản lý.

9. Tuyên truyền, giáo dục vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh trên địa bàn.

10. Xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định quản lý cây xanh thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.

11. Tổ chức rà soát, thống kê, lập cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý cây xanh đô thị thuộc địa bàn quản lý và hàng năm có báo cáo gửi về Sở Xây dựng công tác quản lý nhà nước về cây xanh theo quy định.

12. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án xây dựng nhằm bảo đảm không ảnh hưởng hệ thống cây xanh trên địa bàn quản lý; Phối hợp với các đơn vị phụ trách ngành hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, chiếu sáng, thông tin, cấp nước, thoát nước) trong quá trình trồng, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sự an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh.